

Bản án số: 823/2024/DS-PT

Ngày 24 - 9- 2024

V/v: “*Tranh chấp đòi tài sản*”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Vương Minh Tâm

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 383/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2246/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 291/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2258/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 328/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2783/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: B G Geislingen C Liên Bang Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị L: Công ty L3 (theo Giấy ủy quyền ngày 17/3/2022);

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty L3:

+ Ông Lữ Chu Bảo L1, sinh năm 1991 (Giấy ủy quyền số 54/2024/GUQ-TNJ ngày 30/7/2024) (có mặt);

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 (Giấy ủy quyền số 54/2024/GUQ-TNJ ngày 30/7/2024) (vắng mặt);

Cùng địa chỉ liên hệ: Số D đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Phan Hồng Đ, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, Tổ A, Đường số E, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Vinh Q, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Số E M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phùng Ngọc P, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Schlichtener S.96 73614 Schorndorf CHLB Đ1.

2. Ông Khương Hữu Đ2, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: S G Schorndorf CHLB Đ.

- *Người kháng cáo:* Ông Phan Hồng Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Phan Thị L ủy quyền cho ông Lữ Chu Bảo L1 và ông Nguyễn Văn H cùng trình bày:

Ngày 05/12/2014, bà Phan Thị L có nhờ ông Khương Hữu Đ2 chuyển 17.000 EURO cho ông Phan Hồng Đ nhận thông qua số tài khoản của ông Đ số 0381002400453 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (Ngân hàng V) chi nhánh T, Thành phố Hồ Chí Minh và vào ngày 08/12/2014 bà Phan Thị L có nhờ ông Phùng Ngọc P chuyển số tiền 18.000 EURO cho ông Phan Hồng Đ nhận thông qua số tài khoản của ông Đ số 0381002400453 mở tại Ngân hàng V chi nhánh T, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích là nhờ ông Đ giữ gìn để chuẩn bị xây nhà tại Việt Nam để về già bà L về ở. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông Đ hoàn trả lại số tiền 35.000 EURO nhưng ông vẫn chưa trả. Nguyên đơn xác định là không có nhận số tiền 950.000.000 đồng tương đương với 35.000 EURO như trình bày của bị đơn. Nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh về việc thỏa thuận nguyên đơn gửi tiền về Việt Nam để bị đơn giữ gìn nguyên đơn. Bị đơn không chứng minh được việc nguyên đơn nhờ bị đơn vay số tiền 950.000.000

đồng và cũng không chứng minh được đã giao số tiền này cho nguyên đơn hay sử dụng vào bất cứ việc gì theo yêu cầu của nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả lại cho nguyên đơn số tiền 35.000 EURO thành một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu vợ ông Đ là bà Nguyễn Thị Hoàng D cùng chịu trách nhiệm trả lại số tiền trên, nên đề nghị Tòa án không đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên đối chất, đề nghị Tòa án quy đổi số tiền 35.000 EURO là 957.845.000 đồng (tỷ giá 1 EURO = 27.367 đồng) theo tỷ giá ngày 18/12/2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 và yêu cầu Tòa án lấy tỷ giá quy đổi này để xét xử. Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau.

Bị đơn ông Phan Hồng Đ ủy quyền cho ông Trương Vinh Q trình bày:

Bị đơn ông Phan Hồng Đ xác định có nhận tổng cộng số tiền 35.000 EURO của bà L nhờ ông Khương Hữu Đ2 và ông Phùng Ngọc P chuyển khoản như trên là đúng. Nhưng số tiền bà L chuyển 35.000 EURO cho ông Đ nhận là tiền bà L trả cho khoản vay mà ông Đ đứng tên vay giùm ngày 14/01/2014 đối với nhà đất số A Đường số E, Khu phố B, phường L, quận T (nay là Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cho bà L theo Hợp đồng tín dụng ngày 14/01/2014 số 6100-LAV-201400069 tại Chi nhánh Ngân hàng N2 – Phòng G và Hợp đồng thế chấp số 6100-LCP-201400079 ngày 22/01/2014 Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 950.000.000 đồng.

Sau khi ngân hàng giải ngân cho ông Đ số tiền vay 950.000.000 đồng theo 02 hợp đồng nêu trên, vợ chồng ông Đ có điện thoại, nhắn tin báo cho bà L biết và chuyển tiền cho bà L thông qua dịch vụ nhưng phía bị đơn không cung cấp được thông tin về dịch vụ chuyển tiền cũng như người nhận tiền chuyển cho bà L. Việc chuyển tiền không có chứng cứ chứng minh, tin nhắn điện thoại cũng không còn lưu trữ nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Nay bị đơn xác định đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do số tiền nguyên đơn gửi về cho bị đơn để thực hiện việc trả nợ ngân hàng không phải tiền giữ giùm như nguyên đơn trình bày. Quá trình giải quyết vụ án liên quan đến nhà đất vào năm 2019 giữa bị đơn và nguyên đơn đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án dân sự phúc thẩm số 417/2021/DSPT ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn cũng không đề cập đến số tiền này chứng minh giữa nguyên đơn và bị đơn không còn nợ số tiền 35.000 EURO nói trên như nguyên đơn trình bày. Giữa bị đơn và nguyên đơn không có thỏa thuận giữ tiền giùm.

Do số tiền này là giao dịch giữa bà L và ông Đ, không liên quan đến vợ của bị đơn là bà Nguyễn Thị Hoàng D và nguyên đơn cũng không yêu cầu bà D cùng

chịu trách nhiệm trả lại số tiền trên nên đề nghị Tòa án không đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên đối chất, bị đơn đồng ý quy đổi số tiền 35.000 EURO là 957.845.000 đồng (tỷ giá 1 EURO = 27.367 đồng) theo tỷ giá ngày 18/12/2023 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 và yêu cầu Tòa án lấy tỷ giá quy đổi này để xét xử. Bị đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Khương Hữu Đ2 trình bày: Ông Đ2 và bà L cùng sống tại Đức, có quen biết đồng hương bạn bè nên ngày 05/12/2014 ông Đ2 có nhận chuyển giúp bà L số tiền 17.000 EUR (Euro) thông qua tài khoản ngân hàng của ông Đ2 tại Đức chuyển về Việt Nam qua chủ tài khoản là ông Phan Hồng Đ (em bà L) nhận có kèm Sao kê tài khoản của ông P 14120509 ZA 21357. Ông Đ2 xác định ông Đ2 không quen biết ông Đ và số tiền ông Đ2 chuyển cho ông Đ là tiền của bà L. Ông Đ2 xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Ông Phùng Ngọc P trình bày: Ông P và bà L cùng sống tại Đức, có quen biết đồng hương bạn bè nên ngày 08/12/2014, ông P có nhận chuyển giúp bà L số tiền 18.000 EUR (Euro) thông qua tài khoản ngân hàng của ông P tại Đức chuyển về Việt Nam qua chủ tài khoản là ông Phan Hồng Đ (em bà L) nhận có kèm Sao kê tài khoản của ông P 14120809 ZA 21429. Ông P xác định ông P không quen biết ông Đ và số tiền ông P chuyển cho ông Đ là tiền của bà L. Ông P xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L về việc đòi lại tài sản đối với bị đơn ông Phan Hồng Đ.

Buộc bị đơn ông Phan Hồng Đ có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị L số tiền 957.845.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 23/4/2024, ông Phan Hồng Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Phan Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Phan Hồng Đ trình bày: Nguyên đơn gửi tiền giữ nhiều lần không cung cấp chứng cứ. Nguyên đơn chỉ nhắn tin đòi 200 triệu đồng, bị đơn đã trả rồi. Qua bản án xử tranh chấp căn nhà, nguyên đơn kiểm tra lại, có nhờ bị đơn giúp đỡ vay tiền mua nhà ở Đức. Nguyên đơn đồng ý vay 950 triệu đồng, xác nhận qua điện thoại. Do quá lâu, không trích xuất tin nhắn điện thoại được. Ông P, ông Đ2 không có liên quan mà chuyển tiền cho ông. Lãi ngân hàng rất cao là 16 - 17 triệu đồng/tháng của số tiền 950 triệu đồng. Nguyên đơn vay tiền, nhờ ông Đ2, ông P chuyển tiền trả cho ngân hàng. Ông không có tác động gì vào số tài khoản mà ông Đ2, ông P chuyển tiền. Nguyên đơn thua vụ kiện trước nên đi kiện vụ này. Ông thừa nhận có nhận tiền của ông Đ2, ông P chuyển.

Ông Lữ Chu Bảo L1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Phan Hồng Đ trình bày: Toà án có gửi văn bản thu thập chứng cứ nhưng không có kết quả. Ông có trao đổi tin nhắn qua điện thoại, thời gian quá lâu không còn lưu trữ.

Ông Trương Vinh Q đại diện cho ông Phan Hồng Đ trình bày: Về nội dung cần xem xét thực tế. Nhà số A, đường số E của bà L bỏ tiền mua của ông L2 (ba của bà L). Tiền bà L bỏ ra sửa chữa, xây dựng nhà trên đất. Nhà đã bán cho ông N. Thế chấp nhà vay tiền cho bà L. Chứng cứ chuyển tiền cho bà L không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đ

Ông Đ2 gửi 17.000 Euro, ông P gửi 18.000 Euro cho ông Đ. Tiền của ông Đ2, ông P chuyển cho ông Đ là tiền của bà L. Tổng cộng số tiền 35.000 Euro ông Đ nhận của ông Đ2, ông P là tiền của bà L. Ông Đ thừa nhận có nhận 35.000 Euro để trả tiền vay cho bà L nhưng không có chứng cứ chứng minh. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đ trả 957.845.000 đồng cho bà L tương đương 35.000 Euro là có căn cứ. Ông Đ kháng cáo không cung cấp được chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Hồng Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Phan Hồng Đ thừa nhận vào ngày 05/12/2014, ông Khương Hữu Đ2 chuyển 17.000 EURO cho ông Phan Hồng Đ nhận thông qua số tài khoản của ông Đ số 0381002400453 mở tại Ngân hàng V và ngày 08/12/2014, ông Phùng Ngọc P chuyển số tiền 18.000 EURO cho ông Phan Hồng Đ nhận thông qua số tài khoản của ông Đ số 0381002400453 mở tại Ngân hàng V.

[2.2] Theo nguyên đơn trình bày thì nguyên đơn và bị đơn là chị em ruột nên nguyên đơn nhờ ông Đ2 và ông P chuyển số tiền 35.000 EURO của nguyên đơn cho bị đơn nhận với mục đích là nhờ ông Đ giữ giùm để chuẩn bị xây nhà tại Việt Nam để về già bà L về ở. Ông Đ2 xác nhận có nhận 17.000 EURO của bà L do bà L nhờ ông Đ2 chuyển về Việt Nam cho ông Đ và ông Đ2 đã chuyển cho ông Đ nhận số tiền 17.000 EURO theo yêu cầu của bà L vào ngày 08/12/2014. Ông P xác nhận có nhận 18.000 EURO của bà L do bà L nhờ ông P chuyển về Việt Nam cho ông Đ và ông P đã chuyển cho ông Đ nhận số tiền 18.000 EURO theo yêu cầu của bà L vào ngày 05/12/2014. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền mà ông Đ2, ông P chuyển về cho ông Đ nhận tổng cộng 35.000 EURO là tiền của bà L nhờ chuyển về cho ông Đ là có căn cứ. Phía ông Đ thừa nhận có nhận của ông Đ2, ông P tổng cộng 35.000 EURO nhưng cho rằng đây là tiền bà L trả cho khoản vay mà ông Đ đứng tên vay giùm ngày 14/01/2014 đối với nhà đất số A Đường số E, Khu phố B, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cho bà L theo Hợp đồng tín dụng ngày 14/01/2014 số 6100-LAV-201400069 tại Chi nhánh Ngân hàng N3 – Phòng G và Hợp đồng thế chấp số 6100-LCP-201400079 ngày 22/01/2014 Phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh để vay số tiền 950.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh giữa ông Đ và bà L có thỏa thuận vay tiền giùm và thỏa thuận dùng số tiền 35.000 EURO để trả nợ khoản vay mà ông Đ đã vay nói trên và ông Đ cũng không cung cấp được chứng cứ chuyển 950.000.000 đồng cho bà L. Tòa án cũng tiến hành thu thập chứng cứ theo yêu cầu của bị đơn nhưng không được.

Toà án cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải trả lại cho bà L số tiền đã nhận của bà L tổng cộng là 35.000 EURO tương đương 957.845.000 đồng (quy đổi tỷ giá 1 EURO = 27.367 đồng theo Biên bản đối chất ngày 18/12/2023), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Ông

Đ kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26, khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hồng Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị L về việc đòi lại tài sản đối với bị đơn ông Phan Hồng Đ.

Buộc bị đơn ông Phan Hồng Đ có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị L số tiền 957.845.000 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Phan Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn ông Phan Hồng Đ chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 40.735.350 đồng nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.655.602 đồng (mười chín triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn sáu trăm lẻ hai đồng) theo Biên lai thu số AA/2022/0004032 ngày 19/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đ phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm nộp án phí 300.000 đồng ông Đ có ông Trương Vinh Q đại diện theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0032951 ngày 03/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu (Án - NTCL).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương